

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN
GEMADEPT

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	13 - 47
8. Phụ lục	48

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Gemadept (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Gemadept hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301116791, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 11 năm 1993 và đăng ký thay đổi lần thứ 21 ngày 10 tháng 8 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Điện thoại : (84-8) 38 236 236
- Fax : (84-8) 38 235 236

Công ty kiên định với chiến lược phát triển các ngành nghề kinh doanh cốt lõi bên cạnh việc tiến hành đa dạng hóa ngành nghề một cách có chọn lọc. Các lĩnh vực kinh doanh của Công ty bao gồm: khai thác cảng, logistics, trồng rừng và bất động sản.

- Khai thác cảng: Khai thác hệ thống cảng trải dọc từ Bắc chí Nam, tại các thành phố lớn và các vùng kinh tế trọng điểm: cảng Phước Long, cảng Nam Hải, cảng Nam Hải Đình Vũ, cảng Dung Quất, cảng Bình Dương; Đầu tư vào dự án cảng nước sâu Gemalink Cái Mép và cảng Gemadept Hoa Sen.
- Logistics: Trung tâm phân phối; Vận tải container chuyên tuyến; Vận tải hàng siêu trường siêu trọng; Vận tải đa phương thức; Quản lý tàu và thuyền viên; Đại lý giao nhận; Ga hàng hóa hàng không,...
- Trồng rừng: Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến cây cao su và cây công nghiệp tại Campuchia.
- Bất động sản: Xây dựng và khai thác các trung tâm thương mại, khách sạn, cao ốc văn phòng ở các thành phố lớn tại Việt Nam và khu vực Đông Dương bao gồm: dự án Khu phức hợp Saigon Gem và dự án Khu phức hợp tại Viêng Chăn – Lào.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ tên	Chức vụ
Ông Đỗ Văn Nhân	Chủ tịch
Ông Chu Đức Khang	Phó Chủ tịch
Ông Đỗ Văn Minh	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Huy	Thành viên
Ông Phạm Hồng Hải	Thành viên
Ông Vũ Ninh	Thành viên
Bà Nguyễn Minh Nguyệt	Thành viên
Bà Bùi Thị Thu Hương	Thành viên
Ông Phạm Tiến Tịnh	Thành viên
Ông Phan Thanh Lộc	Thành viên
Ông Bolat Duisenov	Thành viên

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban kiểm soát

Họ tên	Chức vụ
Ông Lưu Tường Giai	Trưởng ban
Bà Vũ Thị Hoàng Bắc	Thành viên
Ông Trần Đức Thuận	Thành viên
Bà Trần Thanh Thủy	Thành viên
Bà Phan Cẩm Ly	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Họ tên	Chức vụ
Ông Đỗ Văn Minh	Tổng Giám đốc
Ông Chu Đức Khang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Quốc Long	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Quang Tiến	Phó Tổng Giám đốc

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Đỗ Văn Minh – Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 02 tháng 4 năm 2007).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2016





BAKER TILLY
A&C

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.



Headquarters : 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Hà Nội : 40 Giang Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City
Branch in Nha Trang : 18 Trần Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Cần Thơ : 15-13 Võ Nguyên Giáp St., Cần Thơ City
www.a-c.com.vn

Số: 0843/2016/BCTC-KTTV

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Gemadept (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25 tháng 8 năm 2016, từ trang 06 đến trang 48, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Lý Quốc Trung

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0099-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 8 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.460.579.537.769	1.470.368.485.756
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	343.048.724.710	372.600.229.370
1. Tiền	111		112.048.724.710	56.096.146.037
2. Các khoản tương đương tiền	112		231.000.000.000	316.504.083.333
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		57.054.393.890	61.741.580.440
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	141.722.199.042	141.722.199.042
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2a	(84.667.805.152)	(79.980.618.602)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.020.956.765.144	1.011.889.086.638
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	311.508.363.832	300.047.041.553
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	61.598.886.543	101.925.018.727
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	106.450.000.000	27.400.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	548.193.309.079	589.310.820.668
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(6.793.794.310)	(6.793.794.310)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		19.706.731.709	14.111.209.966
1. Hàng tồn kho	141	V.8	19.706.731.709	14.111.209.966
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		19.812.922.316	10.026.379.342
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	2.450.214.139	1.940.905.830
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		11.608.906.890	3.356.747.537
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.17	5.753.801.287	4.728.725.975
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.751.351.435.622	4.740.628.280.233
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		88.927.132.500	89.275.632.500
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	88.927.132.500	89.275.632.500
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		371.536.971.628	396.628.165.366
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	312.862.078.545	366.509.675.436
- Nguyên giá	222		851.687.899.637	1.008.388.933.784
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(538.825.821.092)	(641.879.258.348)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	55.713.015.834	26.831.696.565
- Nguyên giá	225		61.393.925.348	31.462.733.435
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(5.680.909.514)	(4.631.036.870)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	2.961.877.249	3.286.793.365
- Nguyên giá	228		11.479.612.753	11.458.486.153
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(8.517.735.504)	(8.171.692.788)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		60.148.123.661	41.269.071.840
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	60.148.123.661	41.269.071.840
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		4.190.606.504.849	4.186.153.177.271
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	2.932.162.749.428	2.858.478.249.428
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	1.240.186.255.376	1.240.186.255.376
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	326.872.332.000	326.872.332.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(308.614.831.955)	(239.383.659.533)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		40.132.702.984	27.302.233.256
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	26.967.644.166	15.018.155.490
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.14	13.165.058.818	12.284.077.766
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		6.211.930.973.391	6.210.996.765.989

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.852.700.437.012	1.652.215.947.732
I. Nợ ngắn hạn	310		808.193.710.403	673.754.218.810
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	73.766.516.917	76.767.735.737
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	9.913.074.127	8.330.376.271
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	6.500.626.710	721.196.738
4. Phải trả người lao động	314	V.18	4.364.424.905	19.125.674.880
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.19	194.860.148.065	162.206.155.736
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.20a	52.581.449.257	52.295.738.531
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.21a	370.605.194.082	282.155.810.640
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.22	59.345.787.386	59.783.861.859
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.23	36.256.488.954	12.367.668.418
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1.044.506.726.609	978.461.728.922
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.20b	543.506.515	543.506.515
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.21b	1.033.799.991.697	967.058.882.476
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.24	10.163.228.397	10.859.339.931
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

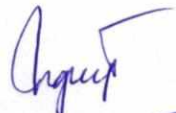
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		4.359.230.536.379	4.558.780.818.257
I. Vốn chủ sở hữu	410		4.359.230.536.379	4.558.780.818.257
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.25	1.794.322.810.000	1.196.219.940.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.794.322.810.000	1.196.219.940.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.25	1.873.371.604.400	2.471.474.474.400
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	V.25	69.388.382.902	69.388.382.902
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	V.25	(442.251.399)	(432.646.448)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.25	72.682.100.796	52.564.113.317
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.25	69.568.035.889	49.450.048.410
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.25	480.339.853.791	720.116.505.676
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		408.451.262.752	720.116.505.676
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		71.888.591.039	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		6.211.930.973.391	6.210.996.765.989


 Trương Như Nguyên
 Người lập


 Nguyễn Minh Nguyệt
 Kế toán trưởng


 TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 8 năm 2016

 Đỗ Văn Minh
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	401.046.194.614	423.045.109.879
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		401.046.194.614	423.045.109.879
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	352.232.300.435	407.546.216.575
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		48.813.894.179	15.498.893.304
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	234.387.751.882	192.250.937.622
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	108.709.759.466	95.249.358.928
Trong đó: chi phí lãi vay	23		32.557.326.257	32.847.539.233
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	1.291.068.886	1.917.503.039
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	52.822.028.872	35.724.046.022
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		120.378.788.837	74.858.922.937
11. Thu nhập khác	31	VI.7	434.851.637	1.379.902.427
12. Chi phí khác	32	VI.8	49.437.525.002	143.039.090
13. Lợi nhuận khác	40		(49.002.673.365)	1.236.863.337
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		71.376.115.472	76.095.786.274
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.17	1.064.617.019	3.371.709.636
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	(1.577.092.586)	(8.151.475)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		71.888.591.039	72.732.228.113
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	-	-


 Trương Như Nguyên
 Người lập


 Nguyễn Minh Nguyệt
 Kế toán trưởng


 Đỗ Văn Minh
 Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		71.376.115.472	76.095.786.274
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.10, V.11, V.12	38.739.869.417	31.888.109.034
- Các khoản dự phòng	03	V.2	73.918.358.972	(4.913.448.436)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.3; VI.4	(10.461.671.698)	30.974.409.508
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, VI.8	(173.020.537.722)	(188.091.645.266)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	32.557.326.257	32.847.539.233
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		33.109.460.698	(21.199.249.653)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		13.385.026.483	37.012.129.301
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(5.595.521.743)	(3.334.208.716)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(23.485.423.782)	28.231.106.517
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(3.386.783.837)	(3.846.363.817)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	2.363.638
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.19, VI.4	(674.463.913)	(1.595.957.117)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.17	(1.906.975.077)	(22.088.290.014)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.23	(8.299.959.430)	(5.346.481.851)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		3.145.359.399	7.835.048.288
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(79.218.779.863)	(71.788.322.750)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		50.420.780.644	8.272.727.272
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.5	(127.000.000.000)	(56.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.5	47.950.000.000	214.326.320.001
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	V.2	(73.684.500.000)	(227.827.500.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		247.914.730.450	144.344.378.251
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		66.382.231.231	11.327.602.774

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

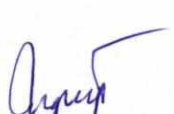
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		154.300.000.000	27.010.851.999
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(27.809.255.252)	(78.059.243.270)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(5.406.636.953)	(1.915.292.698)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.20, V.25	(219.118.081.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(98.033.973.205)	(52.963.683.969)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(28.506.382.575)	(33.801.032.907)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		372.600.229.370	568.365.071.697
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(1.045.122.085)	1.668.926.811
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		343.048.724.710	536.232.965.601

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 8 năm 2016


 Trương Như Nguyên
 Người lập


 Nguyễn Minh Nguyệt
 Kế toán trưởng



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Gemadept (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

3. Ngành nghề kinh doanh

Công ty kiên định với chiến lược phát triển các ngành nghề kinh doanh cốt lõi bên cạnh việc tiến hành đa dạng hóa ngành nghề một cách có chọn lọc. Các lĩnh vực kinh doanh của Công ty bao gồm: khai thác cảng, logistics, trồng rừng và bất động sản.

- Khai thác cảng: Khai thác hệ thống cảng trải dọc từ Bắc chí Nam, tại các thành phố lớn và các vùng kinh tế trọng điểm: cảng Phước Long, cảng Nam Hải, cảng Nam Hải Đình Vũ, cảng Dung Quất, cảng Bình Dương; Đầu tư vào dự án cảng nước sâu Gemalink Cái Mép và cảng Gemadept Hoa Sen.

- Logistics: Trung tâm phân phối; Vận tải container chuyên tuyến; Vận tải hàng siêu trường siêu trọng; Vận tải đa phương thức; Quản lý tàu và thuyền viên; Đại lý giao nhận; Ga hàng hóa hàng không,...

- Trồng rừng: Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến cây cao su và cây công nghiệp tại Campuchia.

- Bất động sản: Xây dựng và khai thác các trung tâm thương mại, khách sạn, cao ốc văn phòng ở các thành phố lớn tại Việt Nam và khu vực Đông Dương bao gồm: dự án Khu phức hợp Saigon Gem và dự án Khu phức hợp tại Viêng Chăn – Lào.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong kỳ Công ty đã tăng vốn điều lệ từ 1.196.219.940.000 VND lên 1.794.322.810.000 VND từ việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 076/GMD-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 5 năm 2015 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 065/GMD-2016 ngày 11 tháng 5 năm 2016.

Trong kỳ, Công ty tiếp tục góp vốn bổ sung vào Công ty Cổ phần Hòn Ngọc Thái Bình Dương và Công ty Cổ phần Hoa Sen Thái Bình Dương, đồng thời khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Niềm Kiêu Hãnh Thái Bình Dương đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài số 201600094 ngày 28 tháng 01 năm 2016.

6. Cấu trúc Công ty

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	Bến số 1 – cảng tổng hợp Dung Quất, xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam	81,60%	81,60%	81,60%
Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải tổng hợp V.N.M	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Gemadep (Malaysia) Sdn. Bhd.	No.68B, Jalan Batai Laut 4, Taman Intan, 41300 Klang, Selangor Darul Ehsan, Malaysia	100%	100%	100%
Gemadep (S) Pte. Ltd.	63 Market Street #05-01A, Bank of Singapore Centre, Singapore 048942	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Cảng quốc tế Gemadep Nhơn Hội	98 Phạm Hùng, Phường Lý Thường Kiệt, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam	53,20%	53,20%	53,20%
Công ty TNHH Cảng Phước Long	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%
Công ty TNHH ISS – Gemadep	45 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty TNHH MTV Tiếp vận Gemadep	Lô J1, đường số 8, Khu công nghiệp Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Gemadep Vũng Tàu	1/1A Phạm Hồng Thái, Phường 7, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam	70,00%	70,00%	70,00%
Công ty Cổ phần Tiếp vận và Cảng quốc tế Hoa Sen - Gemadep	Đường số 2B, Khu công nghiệp Phú Mỹ I, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển hạ tầng Gemadep	147 Nguyễn Thái Bình, Phường 3, TP. Tân An, tỉnh Long An, Việt Nam	50,00%	50,00%	50,00%
Công ty TNHH MTV Gemadep Hải Phòng	Tầng 6, lô 20A, tòa nhà TD Plaza Business Center, đường Lê Hồng Phong, Phường Đông Khê, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Trường Thọ ⁽¹⁾	Khu phố 7, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	46,00%	46,00%	54,00%
Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải	201 Ngô Quyền, Phường Máy Chai, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam	99,98%	99,98%	99,98%
Công ty TNHH MTV Vận tải Hàng hải Thái Bình Dương	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Logistics Biển Sáng	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%
Công ty TNHH Dịch vụ Tin học Vĩ Tín	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Cao su Thái Bình Dương	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Hòn Ngọc Thái Bình Dương	61 đường 468, Phường Toul Tumpoung 2, Quận Chamkarmon, TP. Phnom	100%	100%	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Hoa Sen Thái Bình Dương	Penh, Vương quốc Campuchia 18B đường 500, Phường Phsar Deum Thkov, Quận Chamkarmon, TP. Phnom Penh, Vương quốc Campuchia	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Niềm Kiêu Hân Thái Bình Dương	947 Thôn Por Prok Khang Tbon, Phường Kar Karb, Quận Po Sen Chey, TP. Phnom Penh, Vương quốc Campuchia	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải Đình Vũ	Km số 6 đường Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam	84,66%	84,66%	84,66%
Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Hàng hải Thái Bình Dương	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Logistics Nam Hải	Lô CN3, Khu công nghiệp MP Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam	65,00%	65,00%	65,00%

- (i) Công ty nắm quyền kiểm soát Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Trường Thọ do được sự ủy quyền của một số cổ đông để đạt tỷ lệ quyền biểu quyết trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông là 54%.

Các Công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Thương mại Quả Cầu Vàng	117 Lê Lợi, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	45,00%	45,00%	45,00%
Công ty Cổ phần Thương cảng Vũng Tàu	973 đường 30/4, Phường 11, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam	26,78%	26,78%	26,78%
Công ty TNHH Molenbergnatie – Gemadept Việt Nam	Lô J1, đường số 8, khu công nghiệp Sóng Thần 1, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam	49,00%	49,00%	49,00%
Công ty Cổ phần Du lịch Minh Đạm	Cầu Tum, Khu phố Hải Tân, thị trấn Phước Hải, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Điện lực	112 Ngô Quyền, Phường Máy Chai, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam	38,03%	38,03%	38,03%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn	30 Phan Thúc Duyệt, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	29,43%	29,43%	29,43%
Công ty Cổ phần Liên hợp Thực phẩm	267 Quang Trung, Phường Quang Trung, Quận Hà Đông, TP. Hà Nội, Việt Nam	26,56%	26,56%	26,56%

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link	Khu vực Cái Mép, xã Phước Hòa, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam	41,67%	41,67%	41,67%
Công ty TNHH Golden Globe	Bản Sibunhuong, Quận Chanthabouly, Thủ đô Vientiane, Lào	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty TNHH Tiếp vận “K” Line – Gemadept	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	50,00%	50,00%	50,00%

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp Vận tải Tàu biển Hữu Nghị	2A - 4A Tôn Đức Thắng, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Xí nghiệp Vận tải Thái Bình Dương	Lầu 15, số 35 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Chi nhánh Đà Nẵng	39 Quang Trung, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam
Chi nhánh Cần Thơ	80-82-84 Lê Hồng Phong, Phường Bình Thủy, Quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam
Chi nhánh Vũng Tàu	1/1A Phạm Hồng Thái, Phường 7, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam
Chi nhánh Campuchia	193C đại lộ Mao Tse Tong, Phường Beung Trabaek, Quận Chamkarmon, Thủ đô Phnom Penh, Campuchia

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 288 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 294 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Citibank, N.A., Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Citibank, N.A., Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu của công ty niêm yết, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi. Trường hợp tại ngày trao đổi thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày trao đổi. Trường hợp ngày trao đổi sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá do các bên thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Hàng tồn kho bao gồm nguyên nhiên liệu và hàng hóa. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí lãi thuê tài chính container và chi phí sửa chữa tài sản.

Chi phí lãi thuê tài chính container

Chi phí lãi thuê tài chính container được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 06 năm.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng không quá 03 năm.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	05 – 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của thiết bị và phương tiện vận tải không quá 06 năm.

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 – 08 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

14. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty liên quan đến những tổn thất phải bồi thường trong quá trình vận chuyển.

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

16. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	2.602.598.611	3.333.085.934
Tiền gửi ngân hàng	107.730.517.595	49.787.428.379
Tiền đang chuyển	1.715.608.504	2.975.631.724
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng)	231.000.000.000	316.504.083.333
Cộng	343.048.724.710	372.600.229.370

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu						
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Dân	94.971.030.000	39.183.776.800	(55.787.253.200)	94.971.030.000	46.180.879.800	(48.790.150.200)
Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức	31.488.264.362	16.119.559.500	(15.368.704.862)	31.488.264.362	13.854.828.000	(17.633.436.362)
Công ty Cổ phần Khoáng sản Mangan	14.234.321.100	722.728.000	(13.511.593.100)	14.234.321.100	677.557.500	(13.556.763.600)
Các cổ phiếu khác	1.028.583.580	2.530.587.000	(253.990)	1.028.583.580	1.267.042.800	(268.440)
Cộng	141.722.199.042	58.556.651.300	(84.667.805.152)	141.722.199.042	61.980.308.100	(79.980.618.602)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	(79.980.618.602)	(85.353.029.080)
Trích lập dự phòng bổ sung	(4.687.186.550)	(744.377.562)
Số cuối kỳ	(84.667.805.152)	(86.097.406.642)

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	2.932.162.749.428	(132.440.404.965)	2.858.478.249.428	(66.766.361.565)
Công ty Cổ phần Hoa Sen Thái Bình-Dương ⁽ⁱ⁾	756.757.100.000	(49.228.256.750)	745.547.100.000	(34.281.479.467)
Công ty Cổ phần Hòn Ngọc Thái Bình-Dương ⁽ⁱ⁾	573.667.628.630	(60.710.348.750)	522.325.628.630	(25.884.597.572)
Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải	424.383.000.000	-	424.383.000.000	-
Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải Đình Vũ	338.625.450.000	-	338.625.450.000	-
Công ty TNHH MTV Tiếp vận Gemadept	200.000.000.000	-	200.000.000.000	-
Công ty TNHH Cảng Phước Long	100.000.000.000	-	100.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Cao su Thái Bình Dương	81.700.000.000	(6.309.720.128)	81.700.000.000	(5.922.676.848)
Công ty Cổ phần Logistics Nam Hải	78.000.000.000	(4.428.418.486)	78.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Tiếp vận và Cảng quốc tế Hoa Sen – Gemadept	70.866.282.735	(131.160.851)	70.866.282.735	(177.607.678)
Công ty Cổ phần Gemadept Vũng Tàu	67.200.000.000	-	67.200.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển hạ tầng Gemadept	60.000.000.000	-	60.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	41.730.000.000	-	41.730.000.000	-
Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải tổng hợp V.N.M	35.000.000.000	-	35.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Trường Thọ	27.600.000.000	-	27.600.000.000	-
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng	23.924.332.310	-	23.924.332.310	-
Gemadept (S) Pte. Ltd.	15.207.300.000	-	15.207.300.000	-
Gemadept (Malaysia) Sdn. Bhd.	15.206.200.000	-	15.206.200.000	-
Công ty TNHH MTV Vận tải Hàng hải Thái Bình Dương	3.500.000.000	-	3.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Cảng quốc tế Gemadept Nhơn Hội	2.343.651.753	-	2.343.651.753	-
Công ty TNHH MTV Logistics Biển Sáng	2.182.000.000	-	2.182.000.000	-
Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Hàng hải Thái Bình Dương	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
Các công ty con khác	13.269.804.000	(11.632.500.000)	2.137.304.000	(500.000.000)
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	1.240.186.255.376	(59.077.073.021)	1.240.186.255.376	(55.905.271.935)
Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link	834.150.000.000	(57.166.222.828)	834.150.000.000	(54.365.992.148)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn	141.250.000.000	-	141.250.000.000	-
Công ty TNHH Golden Globe	89.355.403.136	-	89.355.403.136	-
Công ty TNHH Thương mại Quả Cầu Vàng	62.538.064.097	-	62.538.064.097	-
Công ty Cổ phần Liên hợp Thực phẩm	49.825.280.000	(108.235.224)	49.825.280.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Điện lực	23.236.200.000	-	23.236.200.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Du lịch Minh Đạm	18.754.608.143	(1.194.643.059)	18.754.608.143	(931.307.877)
Công ty Cổ phần Thương cảng Vũng Tàu	9.642.000.000	-	9.642.000.000	-
Công ty TNHH Tiếp vận "K" Line – Gemadept	6.324.000.000	-	6.324.000.000	-
Công ty TNHH Molenbergnatie – Gemadept Việt Nam	5.110.700.000	(607.971.910)	5.110.700.000	(607.971.910)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	326.872.332.000	(117.097.353.969)	326.872.332.000	(116.712.026.033)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam	165.581.032.000	(113.572.432.000)	165.581.032.000	(113.572.432.000)
Công ty TNHH CJ Việt Nam	140.415.300.000	-	140.415.300.000	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Công nghiệp Việt Nam	15.876.000.000	-	15.876.000.000	-
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Trí Tuệ Việt Nam	5.000.000.000	(3.524.921.969)	5.000.000.000	(3.139.594.033)
Cộng	4.499.221.336.804	(308.614.831.955)	4.425.536.836.804	(239.383.659.533)

(i) Tăng do góp vốn bổ sung.

Trong kỳ, Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Niêm Kiều Hân Thái Bình Dương theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài số 201600094 ngày 28 tháng 01 năm 2016 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp.

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Các công ty con và công ty liên doanh, liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với kỳ trước.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	(239.383.659.533)	(224.633.107.841)
Trích lập dự phòng bổ sung	(69.231.172.422)	(5.342.174.002)
Số cuối kỳ	(308.614.831.955)	(229.975.281.843)

Giao dịch với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Cảng quốc tế Gemadept Dung Quất		
Chi phí dịch vụ	17.108.426	-
Cổ tức được chia	-	9.987.284.157
Lãi cho vay	-	781.291.667

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải tổng hợp V.N.M		
Góp vốn	-	27.500.000.000
Lợi nhuận được chia	-	754.000.000
Gemadept (Malaysia) Sdn Bhd		
Chi phí dịch vụ đại lý	228.845.658	245.665.673
Gemadept (S) Pte Ltd		
Chi hộ	8.255.648.010	10.141.202.585
Chi phí dịch vụ	29.258.385.000	25.634.516.175
Thu hộ	-	410.212.517
Công ty TNHH Cảng Phước Long		
Cho vay, mượn tiền	79.000.000.000	45.000.000.000
Doanh thu dịch vụ, cho thuê tài sản	26.546.234.864	11.852.174.774
Lãi cho vay	954.984.722	2.572.150.000
Chi phí dịch vụ	12.624.100.636	7.753.353.267
Lợi nhuận được chia	9.000.000.000	8.000.000.000
Chi hộ	563.908.444	82.080.025
Công ty TNHH MTV Tiếp vận Gemadept		
Lợi nhuận được chia	31.000.000.000	40.000.000.000
Góp vốn	-	20.000.000.000
Chi hộ	3.119.249.694	2.013.407.671
Lãi cho vay	-	1.498.895.650
Doanh thu dịch vụ	6.341.920.085	3.158.552.379
Chi phí dịch vụ	408.818.182	33.146.732.919
Thu hộ	16.848.944.639	-
Cho vay	25.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng		
Doanh thu dịch vụ, cho thuê tài sản	41.260.028.489	26.478.386.192
Chi phí dịch vụ	33.832.370.965	29.676.762.326
Chi hộ	91.160.678	16.533.000
Lợi nhuận được chia	6.000.000.000	4.000.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Du lịch Trường Thọ		
Doanh thu cho thuê tài sản	2.160.000.000	2.160.000.000
Cổ tức được chia	-	9.025.200.000
Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải		
Cổ tức được chia	100.000.000.000	96.570.599.058
Doanh thu dịch vụ	2.400.000.000	2.746.349.798
Chi phí dịch vụ	758.064.956	660.933.715
Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải Đình Vũ		
Lãi cho vay	-	3.092.599.443
Lãi vay	1.014.583.334	-
Chi phí dịch vụ	930.348.248	552.733.445

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu dịch vụ	8.181.818.182	2.454.545.455
Cổ tức được chia	33.862.545.000	-
Vay	100.000.000.000	-
Công ty TNHH Vận tải Hàng hải Thái Bình Dương		
Chi hộ	137.002.416	125.313.761
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Cao su Thái Bình Dương		
Chi hộ	200.731.300	183.614.000
Góp vốn	-	1.400.000.000
Công ty TNHH Dịch vụ Tín học Vĩ Tín		
Chi hộ	704.338.159	628.545.040
Công ty Cổ phần Hòn ngọc Thái Bình Dương		
Chi hộ	-	61.331.130
Góp vốn	51.342.000.000	87.360.000.000
Công ty Cổ phần Hoa Sen Thái Bình Dương		
Góp vốn	11.210.000.000	86.297.500.000
Công ty Cổ phần Niềm Kiêu Hân Thái Bình Dương		
Góp vốn	11.132.500.000	-
Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Hàng hải Thái Bình Dương		
Góp vốn	-	1.000.000.000
Doanh thu dịch vụ	1.345.850.521	-
Công ty TNHH ISS Gemadept		
Doanh thu dịch vụ	27.266.922	59.143.226
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn		
Chi phí dịch vụ	1.844.640	196.691.012
Cổ tức được chia	35.312.500.000	5.650.000.000
Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link		
Doanh thu cho thuê văn phòng	132.000.000	151.350.000
Lãi vay	604.256.612	608.852.747
Công ty TNHH Tiếp vận "K" Line - Gemadept		
Doanh thu dịch vụ	153.248.752	153.344.750
Thu hộ	-	75.000.000
Góp vốn	-	5.324.000.000
Công ty Cổ phần Thương cảng Vũng Tàu		
Cổ tức được chia	1.253.460.000	1.253.460.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Molenbergnatie – Gemadept Việt Nam		
Doanh thu dịch vụ	-	275.459.000
Công ty Cổ phần Liên hợp Thực phẩm		
Cổ tức được chia	258.960.015	209.126.000
Công ty Cổ phần Du lịch Minh Đạm		
Lãi cho vay	906.333.333	-
Cho vay	3.000.000.000	-
<i>Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được sử dụng để cầm cố</i>		
Công ty đã dùng toàn bộ 999.800 cổ phần của Công ty trong Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải để đảm bảo cho khoản vay chuyển đổi thành cổ phiếu Công ty quỹ VI (Vietnam Investments) Fund II, L.P (xem thuyết minh số V.21b).		
3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	221.036.662.174	201.796.755.008
Gemadept (S) Pte. Ltd.	135.483.402.479	129.714.795.929
Công ty TNHH Cảng Phước Long	66.806.192.185	39.006.272.049
Gemadept (Malaysia) Sdn. Bhd.	-	12.202.929.497
Công ty TNHH MTV Tiếp vận Gemadept	8.456.774.001	10.303.795.621
Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Hàng hải Thái Bình Dương	3.389.612.546	3.781.693.512
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng	129.335.080	2.432.093.859
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Trường Thọ	4.752.000.000	2.376.000.000
Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải Đình Vũ	1.500.000.000	1.500.000.000
Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải	440.000.000	440.000.000
Công ty TNHH ISS – Gemadept	-	39.174.541
Công ty Cổ phần Du lịch Minh Đạm	78.333.333	-
Công ty TNHH Tiếp vận “K” Line – Gemadept	1.012.550	-
Phải thu các khách hàng khác	90.471.701.658	98.250.286.545
Các khách hàng khác	90.471.701.658	98.250.286.545
Cộng	311.508.363.832	300.047.041.553
4. Trả trước cho người bán ngắn hạn		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước cho các bên liên quan	2.082.975.069	13.791.398.392
Công ty TNHH Cảng Phước Long	2.082.975.069	9.561.825.978
Công ty TNHH MTV Tiếp vận Gemadept	-	4.229.572.414
Trả trước cho người bán khác	59.515.911.474	88.133.620.335
Công ty Cổ phần Bông Sen Vàng	28.330.000.000	30.330.000.000
Công ty TNHH Sản xuất Xây dựng Thương mại Dịch vụ Đất Việt	9.414.560.000	19.928.394.000
Công ty Cổ phần Hàng hải Ngân Hà	15.832.760.035	17.604.638.455
Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại Huy Hiền	-	13.728.484.429
Các nhà cung cấp khác	5.938.591.439	6.542.103.451
Cộng	61.598.886.543	101.925.018.727

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**5. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Cho các bên liên quan vay</i>	86.450.000.000	27.400.000.000
Công ty TNHH Cảng Phước Long	58.450.000.000	27.400.000.000
Công ty TNHH MTV Tiếp vận Gemadept	25.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Du lịch Minh Đạm	3.000.000.000	-
<i>Cho các tổ chức khác vay</i>	20.000.000.000	-
Cộng	106.450.000.000	27.400.000.000

6. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác**6a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	483.614.914.097	-	504.917.949.019	-
Công ty TNHH MTV Tiếp vận Gemadept – Chi hộ, lợi nhuận được chia	143.223.741.750	-	181.240.319.384	-
Công ty Cổ phần Hòn Ngọc Thái Bình Dương – Chi hộ	108.162.731.593	-	108.211.015.433	-
Gemadept (S) Pte. Ltd. – Chi hộ	106.388.206.568	-	99.307.530.261	-
Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải – Cổ tức	60.000.000.000	-	60.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Trường Thọ – Hỗ trợ vốn, chi hộ, cổ tức	29.724.800.000	-	29.724.800.000	-
Công ty TNHH Cảng Phước Long – Chi hộ, lợi nhuận được chia	13.163.908.444	-	3.600.000.000	-
Công ty Cổ phần Cảng quốc tế Gemadept Dung Quất – Cổ tức	9.987.284.157	-	9.987.284.157	-
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng – Chi hộ, lợi nhuận được chia	6.097.669.978	-	5.006.509.300	-
Công ty Cổ phần Hoa Sen Thái Bình Dương – Chi hộ	4.658.949.750	-	4.694.546.220	-
Công ty TNHH Dịch vụ Tín học Vĩ Tín – Chi hộ	1.356.789.209	-	737.651.050	-
Công ty TNHH Thương mại Quả Cầu Vàng – Hỗ trợ vốn	300.000.000	-	300.000.000	-
Công ty Cổ phần Liên hợp Thực phẩm – Cổ tức	258.960.015	-	-	-
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Cao su Thái Bình Dương – Chi hộ	200.731.300	-	-	-
Công ty TNHH MTV Vận tải Hàng hải Thái Bình Dương – Chi hộ	68.461.333	-	340.552.969	-
Công ty TNHH Golden Globe – Phải thu khác	18.000.000	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển hạ tầng Gemadept – Phải thu khác	4.680.000	-	-	-
Grand Pacific Shipping Pte Ltd – Chi hộ	-	-	1.267.740.245	-
Công ty Cổ phần Du lịch Minh Đạm – Hỗ trợ vốn	-	-	500.000.000	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	64.578.394.982	(3.000.000.000)	84.392.871.649	(3.000.000.000)
Tạm ứng	40.503.555.743	-	39.968.465.285	-
Các khoản chi hộ để thực hiện dịch vụ đại lý	5.891.066.712	-	20.147.931.973	-
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	4.413.286.768	-	4.916.380.268	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	13.770.485.759	(3.000.000.000)	19.360.094.123	(3.000.000.000)
Cộng	548.193.309.079	(3.000.000.000)	589.310.820.668	(3.000.000.000)

6b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu bên liên quan	44.500.000.000	-	44.840.000.000	-
Grand Pacific Shipping Pte Ltd – Ký quỹ thuê tàu	44.500.000.000	-	44.840.000.000	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	44.427.132.500	-	44.435.632.500	-
Công ty TNHH Sông Hằng – Góp vốn hợp tác thực hiện dự án cảng tổng hợp Lê Chân	19.000.000.000	-	19.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển hạ tầng Đông Dương – Góp vốn hợp tác thực hiện dự án khu dịch vụ hậu cần logistics	18.000.000.000	-	18.000.000.000	-
Ký quỹ dài hạn	7.427.132.500	-	7.435.632.500	-
Cộng	88.927.132.500	-	89.275.632.500	-

7. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị đã lập dự phòng		Giá gốc	Giá trị đã lập dự phòng
Bà Nguyễn Thị Hồng Linh – Phải thu về kinh doanh chứng khoán	Trên 3 năm	3.000.000.000	(3.000.000.000)	Trên 3 năm	3.000.000.000	(3.000.000.000)
Penex Container lines Pte. Ltd – Phải thu tiền bán hàng	Trên 3 năm	2.763.212.976	(2.763.212.976)	Trên 3 năm	2.763.212.976	(2.763.212.976)
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	Từ 1 năm đến trên 3 năm	1.219.581.334	(1.030.581.334)	Từ 1 năm đến trên 3 năm	1.219.581.334	(1.030.581.334)
Cộng		6.982.794.310	(6.793.794.310)		6.982.794.310	(6.793.794.310)

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	(6.793.794.310)	(17.833.405.311)
Hoàn nhập dự phòng	-	11.000.000.000
Số cuối kỳ	(6.793.794.310)	(6.833.405.311)

8. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Nhiên liệu trên tàu	8.898.922.717	-	7.611.440.598	-
Hàng hóa	10.807.808.992	-	6.499.769.368	-
Cộng	19.706.731.709	-	14.111.209.966	-

9. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**9a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí bảo hiểm	845.664.533	996.411.349
Chi phí vật tư	34.143.779	494.585.139
Chi phí đăng kiểm	845.894.000	188.215.664
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	724.511.827	261.693.678
Cộng	2.450.214.139	1.940.905.830

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi thuê tài chính container	16.158.008.471	7.944.878.291
Chi phí sửa chữa	8.302.672.255	5.309.441.141
Các chi phí trả trước dài hạn khác	2.506.963.440	1.763.836.058
Cộng	26.967.644.166	15.018.155.490

10. Tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	7.281.263.332	105.763.617.002	888.101.281.729	7.242.771.721	1.008.388.933.784
Mua sắm mới	-	-	19.491.927.904	-	19.491.927.904
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	65.060.868.567	-	65.060.868.567
Thanh lý	-	(9.434.842.441)	(223.861.387.324)	-	(233.296.229.765)
Giảm khác	(21.126.600)	-	(7.913.732.700)	-	(7.934.859.300)
Ảnh hưởng của tỷ giá khi chuyển đổi báo cáo	-	-	(21.672.253)	(1.069.300)	(22.741.553)
Số cuối kỳ	7.260.136.732	96.328.774.561	740.857.285.923	7.241.702.421	851.687.899.637
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	3.133.695.508	92.126.879.341	206.461.188.050	7.161.521.515	308.883.284.414
Đang chờ thanh lý	1.208.232.600	-	-	-	1.208.232.600
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	6.229.769.682	102.287.748.271	526.145.479.739	7.216.260.656	641.879.258.348
Khấu hao trong kỳ	171.981.780	350.157.936	32.184.650.474	7.227.314	32.714.017.504
Thanh lý	-	(9.434.842.441)	(126.325.075.490)	-	(135.759.917.931)
Ảnh hưởng của tỷ giá khi chuyển đổi báo cáo	-	-	(6.443.613)	(1.093.216)	(7.536.829)
Số cuối kỳ	6.401.751.462	93.203.063.766	431.998.611.110	7.222.394.754	538.825.821.092

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	1.051.493.650	3.475.868.731	361.955.801.990	26.511.065	366.509.675.436
Số cuối kỳ	858.385.270	3.125.710.795	308.858.674.813	19.307.667	312.862.078.545
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 122.521.309.994 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong – Chi nhánh Sài Gòn và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn (xem thuyết minh số V.21b).

11. Tài sản cố định thuê tài chính

	Thiết bị và phương tiện vận tải
Nguyên giá	
Số đầu năm	31.462.733.435
Tăng trong kỳ	29.931.191.913
Số cuối kỳ	61.393.925.348
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	4.631.036.870
Tăng trong kỳ	1.049.872.644
Số cuối kỳ	5.680.909.514
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	26.831.696.565
Số cuối kỳ	55.713.015.834

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	1.250.403.410	10.208.082.743	11.458.486.153
Tăng khác	21.126.600	-	21.126.600
Số cuối kỳ	1.271.530.010	10.208.082.743	11.479.612.753
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	8.346.028.365	8.346.028.365
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	8.171.692.788	8.171.692.788
Khấu hao trong kỳ	-	346.042.716	346.042.716
Số cuối kỳ	-	8.517.735.504	8.517.735.504
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	1.250.403.410	2.036.389.955	3.286.793.365
Số cuối kỳ	1.271.530.010	1.690.347.239	2.961.877.249

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Chương trình phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí mua sắm tài sản cố định. Chi tiết như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ</u>	<u>Giảm khác</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Phần mềm GSS	630.000.000	-	-	-	630.000.000
Phần mềm ORC	6.493.714.058	3.307.196.380	-	-	9.800.910.438
Chi phí mua cầu, xe nâng	31.679.789.600	64.829.613.519	(46.852.189.896)	-	49.657.213.223
Chi phí khác	2.465.568.182	15.832.360.489	(18.208.678.671)	(29.250.000)	60.000.000
Cộng	41.269.071.840	83.969.170.388	(65.060.868.567)	(29.250.000)	60.148.123.661

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	12.284.077.766	16.069.763.352
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ	880.981.052	(757.391.213)
Số cuối kỳ	13.165.058.818	15.312.372.139

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20% (kỳ trước thuế suất là 22%).

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	25.896.182.552	19.707.203.376
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng	16.196.682.769	16.058.102.740
Gemadept (S) Pte. Ltd	-	3.275.534.000
Công ty TNHH Cảng Phước Long	5.534.673.285	-
Grand Pacific Shipping Pte Ltd	3.408.375.000	-
Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải Đình Vũ	531.294.612	265.766.636
Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải	130.407.782	107.800.000
Công ty TNHH MTV Tiếp vận Gemadept	92.300.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn	2.029.104	-
Công ty TNHH MTV Vận tải Hàng hải Thái Bình Dương	420.000	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	47.870.334.365	57.060.532.361
Phnom Penh Autonomous Port	11.720.912.607	9.271.312.848
Các nhà cung cấp khác	36.149.421.758	47.789.219.513
Cộng	73.766.516.917	76.767.735.737

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước của bên liên quan</i>	<i>1.817.040.135</i>	-
Gemadep (Malaysia) Sdn. Bhd.	1.817.040.135	-
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<i>8.096.033.992</i>	<i>8.330.376.271</i>
Công ty TNHH Express Trains Ath	1.750.000.000	1.750.000.000
Sea Consortium Pte Ltd	-	3.981.636.890
Hyundai Logistics (Singapore) Pte Ltd	1.176.776.153	838.878.808
Boconti Shipping	1.637.308.544	-
Các khách hàng khác	3.531.949.295	1.759.860.573
Cộng	9.913.074.127	8.330.376.271

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

a. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước phát sinh tại Việt Nam

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	3.040.540.898	1.620.340.573	(1.620.340.573)	-	3.040.540.898
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	1.989.046.687	(1.989.046.687)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	52.739.573	(52.739.573)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.373.820.966	822.383.249	(1.657.717.089)	-	2.209.154.806
Thuế thu nhập cá nhân	69.291.041	-	10.078.612.037	(3.806.030.653)	6.341.872.425	-
Thuế môn bài	-	900.000	6.000.000	(6.000.000)	-	900.000
Thuế nhà đất	-	-	1.796.256	(1.796.256)	-	-
Thuế nhà thầu	486.127.194	-	6.957.679.943	(7.633.548.609)	-	189.741.472
Các loại thuế khác	-	313.464.111	175.706.636	(175.706.636)	-	313.464.111
Cộng	555.418.235	4.728.725.975	21.704.304.954	(16.942.926.076)	6.341.872.425	5.753.801.287

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 22%).

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

b. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước phát sinh tại Chi nhánh Campuchia

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	165.778.503	242.233.770	(249.257.988)	158.754.285
Cộng	165.778.503	242.233.770	(249.257.988)	158.754.285

18. Phải trả người lao động

Tiền lương và các khoản khác phải trả công nhân viên.

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả bên liên quan	4.339.873.160	3.760.666.699
Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link – Chi phí lãi vay	4.339.873.160	3.760.666.699
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	190.520.274.905	158.445.489.037
Chi phí lãi vay	176.373.911.747	145.070.255.864
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	14.146.363.158	13.375.233.173
Cộng	194.860.148.065	162.206.155.736

20. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác**20a. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	23.815.187.807	26.632.484.708
Công ty Cổ phần Tiếp vận và Cảng quốc tế Hoa Sen – Gemadept – Nhận hỗ trợ vốn	9.348.964.422	10.293.585.975
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Cao su Thái Bình Dương – Nhận hỗ trợ vốn	5.037.335.653	6.537.335.653
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng – Các khoản thu hộ và phải trả khác	4.325.911.893	4.325.911.893
Công ty TNHH MTV Logistics Biển Sáng – Nhận hỗ trợ vốn	2.142.000.000	2.142.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển hạ tầng Gemadept – Thu hộ và phải trả khác	1.920.884.393	1.920.884.393
Gemadept (Malaysia) Sdn. Bhd. – Thu hộ	1.040.091.446	969.622.819
Gemadept (S) Pte. Ltd. – Thu hộ	-	427.091.350
Công ty TNHH MTV Tiếp vận Gemadept – Thu hộ	-	16.052.625
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	28.766.261.450	25.663.253.823
Các khoản thu hộ để thực hiện dịch vụ đại lý	5.442.292.838	20.943.331.095
Nhận ký quỹ ngắn hạn	2.095.272.640	2.256.213.840
Cổ tức phải trả	20.320.092.350	194.185.350
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	908.603.622	2.269.523.538
Cộng	52.581.449.257	52.295.738.531

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**20b. Phải trả dài hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả bên liên quan	72.304.500	72.304.500
Công ty TNHH Tiếp vận "K" Line – Gemadept – Nhận ký quỹ cho thuê văn phòng	72.304.500	72.304.500
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	471.202.015	471.202.015
Nhận ký quỹ dài hạn	471.202.015	471.202.015
Cộng	543.506.515	543.506.515

20c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

21. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn**21a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan	340.367.305.185	242.195.602.360
Vay Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link theo lãi suất cố định quy định trong hợp đồng	240.367.305.185	242.195.602.360
Vay Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải Đình Vũ theo lãi suất cố định quy định trong hợp đồng	100.000.000.000	-
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức khác	30.237.888.897	39.960.208.280
Vay ngắn hạn Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	-	22.966.355.252
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.21b)	15.719.133.334	9.685.800.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.21b)	14.518.755.563	7.308.053.028
Cộng	370.605.194.082	282.155.810.640

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

21b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	79.745.516.666	36.321.750.000
Vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn ⁽ⁱ⁾	31.478.850.000	36.321.750.000
Vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong – Chi nhánh Sài Gòn ⁽ⁱⁱ⁾	48.266.666.666	-
Vay chuyển đổi thành cổ phiếu Công ty quỹ VI (Vietnam Investments) Fund II, L.P ⁽ⁱⁱⁱ⁾	894.000.000.000	900.800.000.000
Thuê tài chính Intermodal Investment Fund IV LLC	60.054.475.031	29.937.132.476
Cộng	1.033.799.991.697	967.058.882.476

⁽ⁱ⁾ Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn để phục vụ hoạt động kinh doanh với thời hạn vay 05 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp nhà cửa, vật kiến trúc và phương tiện vận tải truyền dẫn (xem thuyết minh số V.10).

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- (ii) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong – Chi nhánh Sài Gòn để thanh toán chi phí mua xe đầu kéo, rơ moóc và các chi phí hợp lý khác với thời hạn vay 05 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp phương tiện vận tải truyền dẫn (xem thuyết minh số V.10).
- (ii) Vay chuyển đổi thành cổ phiếu Công ty quỹ VI (Vietnam Investments) Fund II, L.P theo Hợp đồng ngày 18 tháng 6 năm 2012, chi tiết như sau:
- Hạn mức vay : 40.000.000,00 USD
- Thời gian ân hạn : 05 năm kể từ ngày hợp đồng được ký hợp lệ.
- Trả gốc : Tại thời điểm bất kỳ sau 01 năm kể từ ngày hợp đồng được ký hợp lệ, bên cho vay có quyền nhưng không phải là nghĩa vụ và theo toàn quyền quyết định của bên cho vay, sẽ chuyển đổi toàn bộ hoặc một phần khoản vay (bao gồm gốc và lãi) chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của Công ty.
- Lãi suất : Lãi suất áp dụng đối với khoản cho vay trong thời hạn vay là 6%/năm.
- Mục đích vay : Giải ngân đầu tư cho các dự án phát triển cảng, phát triển dịch vụ logistics, mua sắm phương tiện vận tải, thiết bị xếp dỡ và dự án trồng rừng tại Campuchia.
- Tài sản đảm bảo : Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh đã được bên cho vay và bên vay chỉ định nhận tài sản đảm bảo theo Hợp đồng đại lý nhận tài sản bảo đảm ngày 17 tháng 7 năm 2012, bao gồm:
- Toàn bộ 999.800 cổ phần của Công ty trong Công ty cổ phần Cảng Nam Hải, tương đương 99,98% số cổ phần đã phát hành và đang lưu thông;
 - Toàn bộ quyền sử dụng đất và công trình xây dựng gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu hợp pháp và duy nhất của Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải.

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm
Số cuối kỳ				
Vay dài hạn ngân hàng	95.464.650.000	15.719.133.334	79.745.516.666	-
Vay dài hạn tổ chức khác	894.000.000.000	-	894.000.000.000	-
Nợ thuê tài chính	74.573.230.594	14.518.755.563	55.016.151.633	5.038.323.398
Cộng	1.064.037.880.594	30.237.888.897	1.028.761.668.299	5.038.323.398
Số đầu năm				
Vay dài hạn ngân hàng	46.007.550.000	9.685.800.000	36.321.750.000	-
Vay dài hạn tổ chức khác	900.800.000.000	-	900.800.000.000	-
Nợ thuê tài chính	37.245.185.504	7.308.053.028	28.582.921.327	1.354.211.149
Cộng	984.052.735.504	16.993.853.028	965.704.671.327	1.354.211.149

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tổng nợ thuê tài chính phải trả như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Tiền gốc phải trả	11.228.245.133	42.620.228.196	3.979.792.891	57.828.266.220
Lãi thuê phải trả	3.290.510.430	12.395.923.437	1.058.530.507	16.744.964.374
Nợ thuê tài chính phải trả	14.518.755.563	55.016.151.633	5.038.323.398	74.573.230.594
Số đầu năm				
Tiền gốc phải trả	5.494.092.507	21.558.238.160	1.175.317.740	28.227.648.407
Lãi thuê phải trả	1.813.960.521	7.024.683.167	178.893.409	9.017.537.097
Nợ thuê tài chính phải trả	7.308.053.028	28.582.921.327	1.354.211.149	37.245.185.504

21c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

22. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng các khoản phải trả liên quan đến những tổn thất phải bồi thường trong quá trình vận chuyển.

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	12.367.668.418	7.720.068.287
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	32.188.779.966	12.399.394.088
Chi quỹ	(8.299.959.430)	(5.346.481.851)
Số cuối kỳ	36.256.488.954	14.772.980.524

24. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến chênh lệch do đánh giá lại giá trị quyền sử dụng đất khi chuyển nhượng tòa nhà Gemadept. Chi tiết phát sinh như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	10.859.339.931	12.251.562.999
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(696.111.534)	(765.542.688)
Số cuối kỳ	10.163.228.397	11.486.020.311

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả là 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 22%).

25. Vốn chủ sở hữu

25a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

25b. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	179.432.281	119.621.994
- Cổ phiếu phổ thông	179.432.281	119.621.994
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	179.432.281	119.621.994
- Cổ phiếu phổ thông	179.432.281	119.621.994
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

26. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**26a. Tài sản thuê ngoài**

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản theo các thời hạn như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	24.710.208.000	24.710.208.000
Trên 01 năm đến 05 năm	24.710.208.000	37.065.312.000
Cộng	49.420.416.000	61.775.520.000

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động ở trên thể hiện tiền thuê và phí quản lý phải trả cho việc thuê văn phòng Công ty TNHH CJ Việt Nam tại số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

26b. Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	2.468.794,83	1.383.536,72
Euro (EUR)	111,18	111,18

26c. Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Nguyên nhân xóa sổ</u>
Công ty cổ phần Sư Tử Chúa	1.277.515.915	1.277.515.915	Do Công ty này đã giải thể
Các đối tượng khác	1.178.185.965	1.178.185.965	Không có khả năng thu hồi
Cộng	2.455.701.880	2.455.701.880	

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu hoạt động logistics: dịch vụ vận tải, dịch vụ đại lý, cho thuê tài sản,...	400.444.399.017	400.444.399.017	422.110.337.029
Doanh thu cho thuê văn phòng	601.795.597	601.795.597	934.772.850
Cộng	401.046.194.614	401.046.194.614	423.045.109.879

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con và công ty liên doanh, liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con và công ty liên doanh, liên kết.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hoạt động logistics: dịch vụ vận tải, dịch vụ đại lý, cho thuê tài sản,...

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.510.402.040	6.255.643.214
Lãi tiền cho vay	1.870.206.944	8.006.047.871
Cổ tức, lợi nhuận được chia	218.603.483.521	176.554.617.715
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	941.987.679	1.411.854.802
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	10.461.671.698	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	22.774.020
Cộng	234.387.751.882	192.250.937.622

4. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	32.557.326.257	32.847.539.233
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	2.198.834.826	25.289.273.426
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	30.974.409.508
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	73.918.358.972	6.086.551.564
Chi phí tài chính khác	35.239.411	51.585.197
Cộng	108.709.759.466	95.249.358.928

5. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí hoa hồng, môi giới	977.088.520	1.577.969.906
Các chi phí khác	313.980.366	339.533.133
Cộng	1.291.068.886	1.917.503.039

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	22.064.431.979	19.661.762.735
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	310.312.532	627.776.874
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.008.459.148	2.140.313.468
(Hoàn nhập dự phòng) phải thu khó đòi	-	(11.000.000.000)
Chi phí thuê văn phòng	13.291.897.588	12.070.807.502
Các chi phí khác	15.146.927.625	12.223.385.443
Cộng	52.822.028.872	35.724.046.022

7. Thu nhập khác

Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định và thu nhập khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

8. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lỗ thanh lý tài sản cố định	47.453.152.743	-
Các khoản chi phí khác	1.984.372.259	143.039.090
Cộng	49.437.525.002	143.039.090

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	757.391.213
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(880.981.052)	-
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(696.111.534)	(765.542.688)
Cộng	(1.577.092.586)	(8.151.475)

10. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	55.240.256.098	102.451.009.228
Chi phí nhân công	42.506.169.045	41.632.201.409
Chi phí khấu hao tài sản cố định	38.739.869.417	31.888.109.034
Chi phí dịch vụ mua ngoài	254.136.657.935	268.959.212.173
Chi phí khác	15.722.445.698	257.233.792
Cộng	406.345.398.193	445.187.765.636

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	3.415.200.000	1.505.930.000
Thu nhập khác	189.317.646	-
Cộng	3.604.517.646	1.505.930.000

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác

Mối quan hệ

Công ty Cổ phần Cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	Công ty con
Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Tổng hợp V.N.M	Công ty con
Gemadept (Malaysia) Sdn. Bhd.	Công ty con
Gemadept (S) Pte. Ltd.	Công ty con
Công ty Cổ phần Cảng quốc tế Gemadept Nhơn Hội	Công ty con
Công ty TNHH Cảng Phước Long	Công ty con
Công ty TNHH ISS – Gemadept	Công ty con
Công ty TNHH MTV Tiếp vận Gemadept	Công ty con
Công ty Cổ phần Gemadept Vũng Tàu	Công ty con
Công ty Cổ phần Tiếp vận và Cảng quốc tế Hoa Sen – Gemadept	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển hạ tầng Gemadept	Công ty con
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng	Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Trường Thọ	Công ty con
Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải	Công ty con
Công ty TNHH MTV Vận tải Hàng hải Thái Bình Dương	Công ty con
Công ty TNHH MTV Logistics Biên Sáng	Công ty con
Công ty TNHH Dịch vụ Tin học Vĩ Tín	Công ty con
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Cao su Thái Bình Dương	Công ty con
Công ty Cổ phần Hòn Ngọc Thái Bình Dương	Công ty con
Công ty Cổ phần Hoa Sen Thái Bình Dương	Công ty con
Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải Đình Vũ	Công ty con
Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Hàng hải Thái Bình Dương	Công ty con
Công ty Cổ phần Logistics Nam Hải	Công ty con
Công ty Cổ phần Niêm Kiều Hân Thái Bình Dương	Công ty con
Công ty TNHH Thương mại Quả Cầu Vàng	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thương cảng Vũng Tàu	Công ty liên kết
Công ty TNHH Molenbergnatie – Gemadept Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Du lịch Minh Đạm	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Điện lực	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Liên hợp Thực phẩm	Công ty liên kết
Công ty TNHH Golden Globe	Công ty liên kết

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Bên liên quan khác

Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link

Công ty TNHH Tiếp vận “K” Line – Gemadept

Grand Pacific Shipping Pte Ltd

Mối quan hệ

Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Công ty con của công ty con

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.6, V.15, V.16, V.19, V.20 và V.21.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của Công ty là hoạt động logistic, bao gồm dịch vụ vận tải, cho thuê các phương tiện vận tải, dịch vụ đại lý... (chiếm đến 99,85% tổng doanh thu).

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Trong nước	280.575.151.062	306.718.262.626
Nước ngoài	120.471.043.552	116.326.847.253
Cộng	401.046.194.614	423.045.109.879

Chi tiết về chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của tài sản như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Trong nước	151.878.581.631	91.658.616.894
Nước ngoài	1.631.505.725	2.209.660.793
Cộng	153.510.087.356	93.868.277.687

Chi tiết về tài sản bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của tài sản như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trong nước	1.855.406.964.598	1.849.102.286.125
Nước ngoài	95.852.580.631	97.935.053.437
Cộng	1.951.259.545.229	1.947.037.339.562

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6. Số liệu so sánh

Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được lập và trình bày theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chế độ kế toán này. Ngày 22 tháng 12 năm 2014 Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh theo qui định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này. Các chỉ tiêu được trình bày lại như sau:

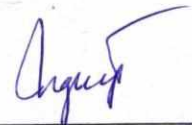
	Mã số	Số liệu trước trình bày lại	Trình bày lại	Số liệu sau trình bày lại
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ				
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	80.640.462.801	(43.628.333.500)	37.012.129.301
Tăng, giảm các khoản phải trả	11	26.177.496.517	2.053.610.000	28.231.106.517
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	2.363.638	2.363.638
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	7.087.197.799	(7.087.197.799)	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(54.008.403.150)	48.661.921.299	(5.346.481.851)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	214.328.683.639	(2.363.638)	214.326.320.001

7. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 8 năm 2016


Trương Như Nguyên
Người lập


Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng


Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
Số dư đầu năm trước	1.161.379.940.000	2.471.474.474.400	69.388.382.902	-	44.814.492.012	41.700.427.105	831.474.346.858	4.620.232.063.277
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	72.732.228.113	72.732.228.113
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	7.749.621.305	7.749.621.305	(27.898.636.698)	(12.399.394.088)
Chia cổ tức trong kỳ	-	-	-	-	-	-	(232.275.988.000)	(232.275.988.000)
Số dư cuối kỳ trước	1.161.379.940.000	2.471.474.474.400	69.388.382.902	-	52.564.113.317	49.450.048.410	644.031.950.273	4.448.288.909.302
Số dư đầu năm nay	1.196.219.940.000	2.471.474.474.400	69.388.382.902	(432.646.448)	52.564.113.317	49.450.048.410	720.116.505.676	4.558.780.818.257
Tăng vốn từ thặng dư vốn cổ phần	598.102.870.000	(598.102.870.000)	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	71.888.591.039	71.888.591.039
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	20.117.987.479	20.117.987.479	(72.424.754.924)	(32.188.779.966)
Chia cổ tức trong kỳ	-	-	-	-	-	-	(239.243.988.000)	(239.243.988.000)
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	3.500.000	3.500.000
Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng USD sang VND	-	-	-	(9.604.951)	-	-	-	(9.604.951)
Số dư cuối kỳ này	1.794.322.810.000	1.873.371.604.400	69.388.382.902	(442.251.399)	72.682.100.796	69.568.035.889	480.339.853.791	4.359.230.536.379

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 8 năm 2016

Trương Như Nguyễn

Trương Như Nguyễn
Người lập

Nguyễn Minh Nguyệt

Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng

